

Án số: 122/2018/HNGĐ - ST
Ngày 31 - 8 - 2018
V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH N

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Xuân Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Đào Văn Rạng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Trọng Ích - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, ,
tỉnh N.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh N tham gia phiên tòa:* Bà
Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N mở phiên tòa
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2018/TLST - HNGĐ ngày 30 tháng 5
năm 2018. Về vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra
xét xử số 42/2018/QĐXXST - DS ngày 25 tháng 7 năm 2018 và quyết định hoãn
phiên tòa số 22/2018/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 giữa:

+ Nguyên đơn: Chị Trần Thị Th - Sinh năm 1986

Địa chỉ: Tổ 3 phường Ng, quận Đ, thành phố H

+ Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V - Sinh năm 1983

ĐKHKTT: Đội 3 Nam Hải xã N, huyện N, tỉnh N

Hiện đang thi hành án tại: Đội 9, K II phân trại II trại giam Thanh C Bộ Công An.

Tại phiên tòa có mặt chị Th, vắng anh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện lập ngày 24/5/2018 cũng như lời khai của nguyên đơn là
chị Trần Thị Th trong quá trình giải quyết trình bày: Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn
V vào tháng 9/2012, trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N,
tỉnh N. Sau khi kết hôn chị và anh V làm kinh tế tại thành phố H, vợ chồng sống

chung hòa thuận được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh V bất đồng quan điểm sống và anh V chơi bời nghiện chất ma túy, chị đã khuyên giải nhưng anh V không sửa chữa nên quan hệ tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Từ tháng 5/2013 anh V về nhà bố mẹ ở xã Nghĩa Hải còn chị ở H, cũng từ đó vợ chồng sống ly thân nhau và khi anh V vi phạm pháp luật thì chị biết. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh V không còn nên chị xin được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Về con chung giữa chị và anh Nguyễn Văn V có một con chung là Nguyễn Trần Bảo Tr sinh ngày 24/3/2013, hiện đang do chị nuôi dưỡng. Nay chị xin được tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Trần Bảo Tr và không yêu cầu anh V phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Về tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Văn V không có nên chị không yêu cầu giải quyết về tài sản. Về án phí dân sự sơ thẩm chị đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn là anh Nguyễn Văn V vắng mặt nhưng anh V có lời khai trong quá trình giải quyết trình bày đúng như lời khai của chị Trần Thị Th về việc kết hôn giữa anh và chị Th. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sống chung không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng là do anh và chị Th không có chung quan điểm sống nhưng mâu thuẫn không lớn. Sau đó anh về quê sống ở xã N huyện N tỉnh N còn chị Th sống ở quận Đ thành phố H. Trong thời gian sống ở quê có xảy ra việc anh vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân huyện N xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản. Hiện nay anh đang cải tạo tại trại giam Thanh C ở huyện C tỉnh Th, anh không muốn vợ chồng ly hôn và anh muốn chờ chấp hành xong hình phạt tù. Về con chung giữa anh và chị Trần Thị Th có một con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo Tr sinh ngày 24/3/2013, hiện đang do chị Th nuôi dưỡng. Nay nếu phải ly hôn thì anh xin nhận trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Về tài sản chung giữa anh và chị Trần Thị Th không có nên anh không yêu cầu giải quyết về tài sản.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên tòa hôm nay Thẩm Phán thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 luật Hôn nhân và gia đình: xử ly hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn V; Về con chung: đề nghị giao cháu Nguyễn Trần Bảo Tr sinh ngày 24/3/2013 cho chị Th nuôi dưỡng, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th; Về án phí dân sự sơ thẩm đề nghị giải quyết buộc chị Th phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và trên cơ sở tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị Th cư trú tại phường Ng, quận Đ, thành phố H, anh Nguyễn Văn V đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N huyện N, tỉnh N và hiện thi hành án tại đội 9, K II phân trại II trại giam Thanh C Bộ Công An. Chị Th có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn V, Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn V vắng mặt nhưng Tòa án nhân dân huyện N đã tổng đạt hợp lệ phiên tòa lần thứ hai cho anh V, vì vậy Tòa án nhân dân huyện N xét xử vắng mặt anh V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn V được tổ chức kết hôn vào tháng 9/2012, đăng ý kết hôn tại UBND xã N huyện N, tỉnh N là một hôn nhân tự do, tiến bộ và có đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn chị Th và anh V chung sống hòa thuận được thời gian ngắn đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau và anh V chơi bời thiếu quan tâm đến gia đình. Hai bên gia đình khuyên giải nhưng quan hệ tình cảm vợ chồng giữa chị Th và anh V không được cải thiện. Từ tháng 5/2013 đến nay chị Th và anh V sống ly thân nhau. Trên thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Th và anh V đã kéo dài và ngày một trầm trọng, hôn nhân đã tan vỡ, nay chị Th xin được ly hôn anh V nên chấp nhận là phù hợp. Xét việc anh V xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh và chị Th không lớn và anh đề nghị được đoàn tụ, thấy không có cơ sở nên yêu cầu của anh V không được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn V có một con chung là Nguyễn Trần Bảo Tr sinh ngày 24/3/2013 và chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn V đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Xét thấy anh V đang phải chấp hành án tại trại giam Thanh C Bộ Công an nên không có điều kiện trực tiếp nuôi con chung, do vậy tiếp tục giao cháu Nguyễn Trần Bảo Tr cho chị Th nuôi dưỡng là phù hợp. Thấy đề nghị của chị Th không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị là tự nguyện nên chấp nhận là phù hợp.

[4] Về tài sản: Chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn V đều khai xác định anh chị không có tài sản chung và không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Th phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 56; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
Căn cứ các Điều 147; 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
Căn cứ các Điều 6; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1- Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Th và anh Nguyễn Văn V.

2- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Trần Bảo Tr sinh ngày 24/3/2013 cho chị Trần Thị Th trực tiếp nuôi dưỡng (chị Trần Thị Th đang quản lý nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Bảo Tr). Anh Nguyễn Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Trần Thị Th đối với cháu Nguyễn Trần Bảo Tr. Không ai được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3- Án phí dân sự sơ thẩm Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Th đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số: BB/2012/06218 ngày 30/5/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện N. Chị Trần Thị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Th, vắng mặt anh V. Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và 9 Luật thi hành dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh N;
- VKSND H N;
- Chi cục THADS H N;
- UBND xã N;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Xuân Dũng

2 - Về con chung: Xử giao con chung là cháu Nguyễn Trần Bảo Trsinh ngày 24/03/2013 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng, anh V không phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Th. Không ai được ngăn cản quyền chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và thăm nom con chung.

3 - Án phí dân sự sơ thẩm Nguyễn Thị Th phải nộp 300.000đ, số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị Th đã nộp theo biên lai số BB/2012/006218 ngày 30/05/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hưng được đối trừ, chị Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho người có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành dân sự.